



DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC KỲ 6 - 2023

KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO, KHOA LỊCH SỬ PHẬT GIÁO, KHOA HOÀNG PHÁP, KHOA PHẬT GIÁO VIỆT NAM, KHOA CÔNG TÁC XÃ HỘI, KHOA PHẬT HỌC TỪ XA, KHOA ĐẠI CƯƠNG, KHOA LUẬT HỌC PHẬT GIÁO, KHOA PHIÊN DỊCH PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

MÔN: HÁN CỔ 6, MÃ LỚP: 516.CN.PALI106.1.C

GIẢNG VIÊN: NS.TS. THÍCH NỮ TUỆ LIÊN, SC.TS. THÍCH NỮ AN DIỆU

NGÀY GIỜ HỌC: THỨ 5 TỪ TIẾT 1 ĐẾN 4, TÒA HỌC ĐƯỜNG A PHÒNG 305

STT	MSSV	Họ	Tên	Pháp Danh	Điểm	Ghi chú
1	2050000119	Trương Văn	Thanh	T. Quảng Trí		
2	2050000191	Lê Thị Diễm	Chi	TN. Tâm Tri		
3	2050000457	Đinh Thị Tú	Trinh	TN. Quang Minh		
4	2070000508	Đinh Văn	Minh	T. Bồn Trí		
5	2070000517	Lê Thị Hiếu	Giang	TN. Đức Hiền		
6	2070000518	Nguyễn Thị	Ly	TN. Khánh Thiện		
7	2070000519	Trần Thị	Nhân	TN. Thánh Đức		
8	2150000030	Vũ Anh	Đức	T. Nguyên Thành		
9	2150000031	Phan Hữu Quang	Đức	T. Đạo Minh		
10	2150000038	Lê Công	Hiền	T. An Trí		
11	2150000073	Võ Nhật	Linh	T. Năng Hiền		
12	2150000081	Quách Vĩnh	Luân	T. Tâm Ân		
13	2150000127	Nguyễn Anh	Quân	T. Đức Ân		
14	2150000128	Đồng Ái	Quốc	T. Hữu Chí		
15	2150000132	Lưu Hoàng	Sang	T. Bảo Thiện		
16	2150000136	Phạm Văn	Sở	T. Tịnh Giác		
17	2150000138	Phan Văn	Sự	T. Hữu Pháp		
18	2150000155	Trần Thanh	Tiến	T. Nhuận Chánh		
19	2150000167	Tổng Hồ Trần	Tuyển	T. Quảng Hào		
20	2150000174	Huỳnh Trần Duy	Thái	T. Minh Tâm		
21	2150000175	Nguyễn Quang	Thái	T. Đức Thạnh		
22	2150000188	Nguyễn Ngọc	Thiện	T. Giác Tịnh		
23	2150000192	Nguyễn Anh	Thống	T. Phước Tâm		
24	2150000197	Trần Đình	Thương	T. Tịnh Đức		
25	2150000200	Trương Duy	Trân	T. Vạn Bảo		

STT	MSSV	Họ	Tên	Pháp Danh	Điểm	Ghi chú
26	2150000205	Phạm Tăng	Trọng	T. Tịnh Pháp		
27	2150000209	Nguyễn Tấn	Trung	T. Tâm Bá		
28	2150000241	Đào Thị	Chương	TN. Huệ Minh		
29	2150000254	Võ Thị Thùy	Dung	TN. An Hào		
30	2150000289	Phan Thị Thu	Hiền	TN. Thích Liên		
31	2150000296	Trần Thị Mỹ	Hoa	TN. Huệ Tuyền		
32	2150000298	Giáp Thị	Hoàng	TN. Hữu Huy		
33	2150000320	Võ Thị Hồng	Khanh	TN. Vạn Tâm		
34	2150000341	Võ Thị Ngọc	Linh	TN. An Bảo		
35	2150000342	Hà Thị	Loan	TN. Đức Nghiêm		
36	2150000357	Vương Lữ Lưu	Ly	TN. Tuệ Ngọc		
37	2150000364	Đặng Thị	Mão	TN. Thường Viên		
38	2150000381	Triệu Thị	Nghĩa	TN. An Tịnh		
39	2150000386	Phạm Thị	Ngọc	TN. Thánh Thanh		
40	2150000388	Vũ Thị	Ngọc	TN. Trung Pháp		
41	2150000392	Ngô Thị Tuyết	Nhi	TN. Thanh Tâm		
42	2150000414	Lâm Hiệp	Phổ	TN. Liên Thuận		
43	2150000418	Trần Thị Kim	Phước	TN. Thọ Khánh		
44	2150000424	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	TN. Quảng Thuận		
45	2150000450	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TN. Quảng Thông		
46	2150000468	Nguyễn Phương Anh	Thư	TN. Tuệ Liên		
47	2150000484	Bùi Thị	Thủy	TN. Nhuận Khả		
48	2150000491	Nguyễn Thị Hà	Tiên	TN. Liên Nhuận		
49	2150000494	Lê Xuân	Tiếp	TN. Trung Phúc		
50	2150000496	Nguyễn Thị	Trà	TN. Chúc Hiền		
51	2150000513	Đỗ Thanh Thanh	Trúc	TN. Như Viên		
52	2150000539	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	TN. Nhật Bảo		

Văn Phòng
(Ký, họ tên)

Giảng viên